

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N BÌNH
TỈNH N BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số 06/2019 /KDTM- ST

Ngày 21/11/2019

Về tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N BÌNH - TỈNH N BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tú

Bà Nguyễn Thị Thịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N Bình - tỉnh N Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2019/TLST – KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST - KDTM ngày 24 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST- KDTM ngày 22/10/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ;

Địa chỉ: số nhà 07, đường L, phường V, thành phố N Bình, tỉnh N Bình.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đinh Ngọc V - Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ.

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985, chức vụ Trưởng phòng Quỹ tín dụng nhân dân TĐ

*** Bị đơn:** Bà Phạm Thị N sinh năm 1971.

Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: số nhà 26, đường 3, phố B, phường T, thành phố N Bình, tỉnh N Bình.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1992 (con của bà N, ông H).

- Anh Nguyễn Trọng Bảo P, sinh năm 1999 (con của bà N, ông H).

- Anh Nguyễn Trọng Tài P, sinh năm 2008(con của bà N, ông H).

- Ông Đinh Hồng T, sinh năm 1974 (người thuê nhà của bà N, ông H).

Địa chỉ: số nhà 26, đường 3, phố B, phường T, thành phố N Bình, tỉnh N Bình.

(Tại phiên tòa: Có mặt ông T đại diện Quỹ tín dụng TĐ; Vắng mặt: bà N, ông H, anh G, anh P, anh P, ông T mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2019 và các bản tự khai, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ trình bày: Ngày 11/10/2013, bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Trọng H có ký hợp đồng tín dụng số NHADB 130282/HĐTD với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ để vay vốn tổng số tiền là 1.800.000.000 đồng (*một tỷ tám trăm triệu đồng*), mục đích sử dụng tiền để kinh doanh vật liệu xây dựng. Thời hạn hợp đồng là 12 tháng, lãi suất là 1,05%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150%/tháng. Tài sản bảo đảm tiền vay là Quyền sử dụng đất diện tích 148,2m² và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ phố B, phường T, thành phố N Bình, thửa đất số 10, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 071784 do Ủy ban nhân dân thị xã N Bình cấp ngày 31/12/2004 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2068/2013/HĐTS/QTDTĐ ngày 11/10/2013 đã được ký kết tại Văn phòng công chứng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Trọng H không trả được nợ như cam kết. Ngày 11/10/2014 hết hạn hợp đồng, bà N, ông H không trả nợ gốc và vi phạm việc trả lãi. Hiện tại mới trả lãi tổng số tiền là 263.995.000đồng. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ đã nhiều lần gửi thông báo công văn đôn đốc trả nợ nhưng vợ chồng bà N, ông H vẫn không trả. Đến nay Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ yêu cầu bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Trọng H phải trả số tiền gốc 1.800.000.000đồng và tiền lãi chưa trả đến ngày xét xử 21/11/2019 là 1.636.235.000đồng (trong đó lãi trong hạn là: 1.076.135.000 đồng; lãi quá hạn là 560.100.000đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là 3.436.235.000đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 22/11/2019 cho đến khi thi hành xong theo hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp bà N, ông H không trả được nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ có quyền đề nghị xử lý tài sản thế chấp là nhà đất theo hợp đồng thế chấp đã ký.

* Bị đơn là bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Trọng H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các con của bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Trọng H gồm các anh Nguyễn Trường G, anh Nguyễn Trọng Bảo P, anh Nguyễn Trọng Tài P không có ý kiến gì đối với yêu cầu của người khởi kiện mặc dù Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác hợp lệ.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Hồng T (người thuê nhà của bà N, ông H) không có ý kiến gì mặc dù Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác hợp lệ.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đúng trình tự quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề

ngợi Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Trọng H gồm các anh Nguyễn Trường G, anh Nguyễn Trọng Bảo P, anh Nguyễn Trọng Tài P và ông Đinh Hồng T.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 342, 343, 355, 471, 474, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 BLDS năm 2005; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147; Điều 165 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết số 326 UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ đối với bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Trọng H về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”:

Buộc bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Trọng H phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ số tiền gốc là 1.800.000.000 đồng; số tiền lãi tính đến ngày 21/11/2019 là 1.636.235.000 đồng (trong đó lãi trong hạn là: 1.076.135.000 đồng; lãi quá hạn là 560.100.000 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 3.436.235.000 đồng. Bà N, ông H phải trả lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 22/11/2019 theo hợp đồng hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thi hành xong cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ.

Trường hợp bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Trọng H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ thì Quỹ tín dụng được quyền yêu cầu xử lý đối với các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Về chi phí thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn đã chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và không đề nghị Tòa án xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ không phải nộp án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Trọng H phải chịu toàn bộ án phí kinh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 100.724.700 đồng. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời gian luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở TĐ được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp giấy phép thành lập số 42/GP- NHNN ngày 21/10/2009. Bà Phạm Thị N được Ủy ban nhân dân thành phố N Bình cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 09-8A-0005123 đăng ký lần đầu ngày 03/3/2011. Ngày 11/10/2013, bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Trọng H có ký hợp đồng tín dụng số NHCDB 130282/HĐTD với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ để vay vốn tổng số tiền là 1.800.000.000 đồng (*một tỷ tám trăm triệu đồng*), mục đích sử dụng tiền để kinh doanh vật liệu xây dựng. Thời hạn vay hợp đồng tín dụng là 12 tháng, lãi suất là 1,05%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150%/tháng. Hình thức trả lãi vào ngày 11 hàng tháng. Hết hạn hợp đồng, bà N, ông H chưa trả được tiền gốc, về tiền lãi bà N theo hợp đồng nên đã vi phạm hợp đồng. Hiện tại ông H, bà N mới trả được số lãi tổng

cộng là 263.995.000đồng. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ đã đôn đốc đòi nợ nhiều lần nhưng gia đình bà N, ông H không trả nợ. Đến ngày xét xử 21/11/2019 số tiền bà N, ông H còn nợ là: Nợ gốc: 1.800.000.000 đồng, lãi trong hạn: 1.076.135.000 đồng, lãi quá hạn: 560.100.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 3.436.235.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N, ông H có mặt tại địa phương nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác; bà N, ông H cũng không xuất trình được tài liệu chứng minh về việc đã trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc vay nợ của bà N, ông H đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ là đúng thực tế và hiện nay chưa trả được nợ. Việc thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng giữa các bên là đúng quy định của pháp luật. Việc tính lãi của Ngân hàng đối với các khoản vay của bà N ông H là theo đúng hợp đồng tín dụng mà các bên đã thỏa thuận. Việc thỏa thuận về lãi suất giữa các bên đúng quy định của pháp luật dân sự và luật các tổ chức tín dụng. Do vậy cần buộc bà N, ông H có trách nhiệm phải trả số tiền nợ gốc và lãi mà Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ đã yêu cầu là có căn cứ. Bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Trọng H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Về việc thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay: Ngày 11/10/2013, bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Trọng H đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 2068/2013/HĐTS/QTĐTĐ với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ để đảm bảo cho khoản vay nợ nói trên: Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 148,2m² thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 06, địa chỉ tại phố B, phường T, thành phố N Bình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 071784 mang tên Hộ ông Nguyễn Trọng H, bà Phạm Thị N; tài sản trên đất gồm: nhà mái bằng 3 tầng tổng diện tích xây dựng là 120m² ; nhà cấp bốn diện tích xây dựng là 50m², công trình phụ khép kín, toàn bộ hệ thống điện nước đầy đủ. Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Trọng H có 03 con chung là anh Nguyễn Trường G sinh ngày 07/6/1992, anh Nguyễn Trọng Bảo P sinh ngày 31/8/1999 và anh Nguyễn Trọng Tài P sinh ngày 20/9/2008. Tại thời điểm bà N và ông H ký kết hợp đồng thế chấp nhà đất nói trên thì anh Nguyễn Trường G đã trưởng thành tuy nhiên anh G mắc bệnh tâm thần phân liệt thể di chứng F 20.5. Đến nay, anh G vẫn đang điều trị nhiều lần tại Bệnh viện tâm thần tỉnh N Bình, lần điều trị gần đây nhất là ngày 13/5/2019 (*Biên bản xác minh ngày 29/10/2019 tại Bệnh viện tâm thần tỉnh N Bình kèm theo hồ sơ bệnh án*); đối với các anh Nguyễn Trọng Bảo P và Nguyễn Trọng Tài P tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp còn nhỏ, chưa đủ 15 tuổi. Như vậy, tại thời điểm thế chấp tài sản năm 2013, anh G, anh P, anh P không đủ điều kiện để thực hiện việc ký kết hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật. Do vậy, bà N, ông H đã ký hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ để đảm bảo cho khoản vay. Hồ sơ thế chấp tài sản được thực hiện tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và được công chứng chứng thực. Do vậy có cơ sở khẳng định việc thế chấp tài sản là đúng thực tế và đúng

theo quy định của pháp luật nên cần tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản này. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác hợp lệ nhưng anh G, anh P, anh P không có ý kiến gì.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/7/2019 đã xác định tài sản của hộ bà N, ông H gồm diện tích đất theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các tài sản trên đất gồm nhà 3 tầng, nhà cấp bốn, mái tôn; hiện nay ông Đinh Hồng T là người thuê nhà của ông H, bà N nhưng không có xây dựng, coi nói gì.

Ông T không có ý kiến gì mặc dù Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác hợp lệ.

Căn cứ các Điều 342, 343, 344, 350, 351, 355 Bộ luật dân sự 2005, trường hợp bà N, ông H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ có quyền đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Người thuê nhà có nghĩa vụ trả lại tài sản thuê để Quỹ tín dụng thực hiện quyền xử lý tài sản thế chấp.

Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ có trách nhiệm trả lại giấy tờ gốc về tài sản thế chấp khi bà N, ông H thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án.

[2]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ : Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ đã chi phí và không đề nghị Tòa án xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ không phải nộp, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Trọng H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể số tiền án phí phải nộp là: $72.000.000\text{đồng} + 2\% \times (3.436.235.000 - 2.000.000.000\text{đồng}) = 100.724.700\text{đồng}$.

Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 292, 342, 343, 344, 351, 355, 471, 474, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật dân sự 2005. Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, khoản 1 Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ.

Buộc bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Trọng H phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ số tiền nợ gốc: 1.800.000.000 đồng, lãi trong hạn: 1.076.135.000 đồng, lãi quá hạn: 560.100.000 đồng tính đến ngày 21/11/2019. Tổng cộng là 3.436.235.000 đồng (*ba tỷ bốn trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày 22/11/2019, bà N, ông H tiếp tục phải trả lãi cho đến khi thi hành xong theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Sau khi bà N, ông H thi hành xong số tiền phải trả thì Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ có trách nhiệm trả lại cho bà N, ông H toàn bộ giấy tờ gốc liên quan đến tài sản thế chấp.

Trường hợp bà N, ông H không thi hành trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý đối với tài sản đã thế chấp cụ thể: Quyền sử dụng đất diện tích đất 148,2m² thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 06, địa chỉ tại phố B, phường T, thành phố N Bình, tỉnh N Bình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 071784 mang tên Hộ ông Nguyễn Trọng H, bà Phạm Thị N và các tài sản trên đất.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ không phải nộp, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp, số tiền là 48.256.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000848 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án thành phố N Bình.

- Bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Trọng H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 100.724.700 đồng (*một trăm triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở TĐ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà N, ông H, anh G, anh P, anh P, ông T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh NB;
- VKSTPNB;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục THADS TPNB;
- L-u TATP;
- L-u HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy

Nơi gửi

- TAND tỉnh N Bình
- VKSND TP N Bình
- Chi cục thi hành án Ds TP N Bình
- Các đương sự

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hs
- Lưu cq

Nguyễn Thị Bích Thủy

